UỶ BAN NHÂN DÂN **THỊ TRẤN TÔ HẠP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:610 /BC-UBND	Tô Hạp , ngày26 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO
Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý I năm 2024

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định 136/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sach Nhà Nước;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với ngân sách các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3789/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Khánh Sơn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

UBND Thị trấn tô Hạp báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý I năm 2024 cụ thể như sau:

I.Thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách quý I năm 2024: 3.372.752 ngàn đồng đạt 30.6% so với kế hoạch huyện giao

***Trong đó:**

1.Thu trên địa bàn hưởng 100% là : 83.470ngàn đồng đạt 27.43% so với dự toán

-Thu phí, lệ phí thực hiện 44.485ngàn đồng đạt 94,64% so với kế hoạch huyện giao

-Lệ phí trước bạ nhà đất thực hiện 26.393 ngàn đồng đạt 23.78% so với dự toán huyện giao

- Thu khác thực hiện 13.593 ngàn đồng đạt 9.06% so với dự toán huyện giao.

2. thu Thuế phân chia tỷ lệ %thực hiện là : 339.173ngàn đồng đạt 14.9% so với dự toán huyện giao.

3. thu chuyển nguồn : 249.109 ngàn đông .

4.Thu bổ sung từ ngân sác cấp trên thực hiện 2.700.000 ngàn đồng đạt 32.07% so với dự toán huyện giao.

II. Chi ngân sách

Tổng chi ngân sách quý I năm 2024thực hiện: 2.953.962 ngàn đồng đạt 31.17% so với dự toán

1.Chi ĐTPT 1.061.587.ngànđ đạt 81,4% so với kế hoạch

2.Chi thường xuyên thực 1.892.375ngàn đồng 23.17% so với dự toán huyện giao.

+Trong đó

-Chi công tác dân quân tự vệ ANTT thực hiện 210468 ngàn đồng đạt 28.44% so với dự toán huyện giao .

-Chi VHTT thực hiện 49.770 ngàn đồng đạt 99.54% so với dự toán huyện giao.

- Chi phát thanh truyền hình thực hiện 3.619 ngàn đồng đạt 18.09% so với dự toán huyện giao

-Chi TDTT thực hiện 7.200.ngàn đồng đạt 18% so với dự toán huyện giao

-Chi sự nghiệp kinh tế thực hiện 185998 ngàn đồng đạt 44.39% so với dự toán dự toán huyện giao.

- Chi đảm bảo xã hội :39.340 ngàn đồng đạt 28.10% so với dự toán huyện giao.

-Chi quản lý nhà nước thực hiện 1.394.980 ngàn đồng đạt 22.20% so với dự toán huyện giao.

-Chi khác thực hiện 1.000 ngàn đồng đạt 3.33% so với dự toán

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách thị trấn Tô Hạp quý I năm 2024 *(Chi tiết theo Biểu số 113,114,115/CKTC-NSNN kèm theo)*

Nơi nhận:
-Phòng TC-KH
-Lưu: VT, KT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Khoa Trưởng

UBND Xã: Tô Hạp

Biểu số 113/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**11.004.000**	**3.372.752**	30,65
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	308.000	84.470	27,43
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	2.277.000	339.173	14,90
3	Thu bổ sung	8.419.000	2.700.000	32,07
	- Bổ sung cân đối ngân sách	*8.419.000*	*2.700.000*	32,07
	- Bổ sung có mục tiêu		*0*	
4	Thu chuyển nguồn		249.109	
II	**TỔNG SỐ CHI**	**9.476.000**	**2.953.962**	31,17
1	Chi đầu tư phát triển	1.310.000	1.061.587	81,04
2	Chi thường xuyên	7.980.000	1.892.375	23,71
3	Dự phòng	186.000		0,00

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

UBND Xã: Tổ Hạp

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu ngân sách xã	**11.004.000**	**9.476.000**	**3.372.752**	**3.193.187**	**30,65**	**33,70**
I	**Các khoản thu 100%**	**308.000**	**308.000**	**84.470**	**83.669**	**27,43**	**27,17**
	- Phí, lệ phí			2.485	2.485		
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	111.000	111.000	26.393	26.393	23,78	23,78
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	- Thu khác	150.000	150.000	13.593	12.792	9,06	8,53
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	47.000	47.000	42.000	42.000	89,36	89,36
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**2.277.000**	**749.000**	**339.173**	**160.410**	**14,90**	**21,42**
1	Các khoản thu phân chia						
	- Thu khác			400			
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	1.700.000	230.000	188.871	25.498	11,11	11,09
3	Thuế giá trị GT+ thuế TNDN	577.000	519.000	149.902	134.912	25,98	25,99
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**			**249.109**	**249.109**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**8.419.000**	**8.419.000**	**2.700.000**	**2.700.000**	**32,07**	**32,07**
	- Bổ sung cân đối ngân sách	8.419.000	8.419.000	2.700.000	2.700.000	32,07	32,07
	- Bổ sung có mục tiêu						

UBND Xã: Tô Hạp

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**9.476.000**	**1.310.000**	**8.166.000**	**2.953.962**	**1.061.587**	**1.892.375**	**31,17**	**81,04**	**23,17**
	Trong đó:									
A	Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	9.476.000	1.310.000	8.166.000	2.953.962	1.061.587	1.892.375	31,17	81,04	23,17
I	Chi đầu tư phát triển (1)	1.310.000	1.310.000		1.061.587	1.061.587		81,04	81,04	
1	Chi đầu tư XDCB	1.310.000	1.310.000		1.061.587	1.061.587		81,04	81,04	
2	Chi đầu tư phát triển khác									
II	Chi thường xuyên	7.980.000		7.980.000	1.892.375		1.892.375	23,71		23,71
	Chi chuyển nguồn sang năm sau (nếu có)									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	740.000		740.000	210.468		210.468	28,44		28,44
2	Chi sự nghiệp giáo dục	42.000		42.000						
3	Chi sự phát thanh	20.000		20.000	3.619		3.619	18,09		18,09
4	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	50.000		50.000	49.770		49.770	99,54		99,54
5	Sự nghiệp thể dục thể thao	40.000		40.000	7.200		7.200	18,00		18,00
6	Sự nghiệp kinh tế	419.000		419.000	185.998		185.998	44,39		44,39
	Sự nghiệp cấp thoát nước									
7	Sự nghiệp xã hội	140.000		140.000	39.340		39.340	28,10		28,10
	Mừng thọ									
8	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	6.284.000		6.284.000	1.394.980		1.394.980	22,20		22,20
	Quân sự	187.362		187.362	40.843		40.843	21,80		21,80
9	Chi khác	30.000		30.000	1.000		1.000	3,33		3,33
III	Dự phòng	186.000		186.000						
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên									